

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 93/2019/HSST

Ngày: 04/9/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bắc.

2. Bà Doãn Thị Lệ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Diệp Bảo Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 04/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 93/2019/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn N (Tên gọi khác: N đệ). Sinh ngày 10/9/1986 tại Quảng Ngãi; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 50/3 đường L, tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở trước khi bị bắt: 68/89 đường H, làng K, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm T - sinh năm 1932 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B - sinh năm 1935 (đã chết); bị cáo có vợ là Huỳnh Thị Hồng N và 02 con; tiền án: 01 tiền án - Tại Bản án số 21/HSST ngày 21/01/2014 của Tòa án nhân dân thành phố P, tuyên phạt 60 tháng tù, về các tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội: “*Tàng trữ trái phép chất độc*”, chấp hành án tại Trại giam GT. Ngày 18/9/2017, chấp hành xong hình phạt tù; Tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 03/4/2003, thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích. Tại Bản án số 12/HSST ngày 25/02/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, tuyên phạt 04 năm tù, về tội: “*Cố ý gây thương tích*” (theo Khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999); Ngày 20/7/2003, thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản. Tại Bản án số 82/HSST ngày 13/7/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, tuyên phạt 18 tháng tù, về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo Điều b Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999). Tổng hợp hình phạt của 02 Bản án là 05 năm 06 tháng tù; chấp hành án

tại Trại giam GT. Ngày 29/7/2009, chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/3/2019 đến ngày 22/3/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng:

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phạm Thị P, sinh năm 1975; địa chỉ: Làng K, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Huỳnh Thị Hồng N, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 17, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* Người làm chứng: Ông L, sinh năm 1975; địa chỉ: Làng K, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 05 phút ngày 13/3/2019 tại phòng trọ tại hẻm số 68/89 đường H, làng K, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an thành phố P phối hợp cùng Công an phường TB bắt quả tang Phạm Văn N đang tàng trữ 08 gói giấy bạc và 11 gói giấy quần bằng keo đen, bên trong các gói trên đều chứa chất rắn dạng cục, bột màu trắng N khai là Heroin, N mua của người thanh niên tên D ở thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ). Tất cả số ma túy trên được bỏ vào phong bì niêm phong theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: bị cáo có sử dụng ma túy, ngày 11/3/2019, N đón xe khách đi vào thành phố Hồ Chí Minh. Khi vào đến bến xe Miền Đông, N gặp và đã mua 20 gói Heroin với giá 1.500.000 đồng của người đàn ông tên D (không rõ nhân thân, lai lịch). Sau khi mua được số ma túy trên, N đón xe khách đi về thành phố P. Sau đó, N đi mua kim tiêm và nước cất về phòng trọ tại hẻm số 68/89 đường H, làng K, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vào trưa ngày 12/3/2019, N lấy 01 gói ma túy ra hòa với nước cất rồi tiêm chích trực tiếp vào ven, 19 gói Heroin còn lại, N cất giấu trong túi quần bên trái và để tại phòng trọ. Đến 17 giờ 05 phút ngày 13/3/2019, thì N bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an thành phố P phối hợp cùng Công an phường TB bắt quả tang, thu giữ tang vật, gồm: 08 gói giấy bạc và 11 gói giấy quần bằng keo đen, bên trong các gói trên đều chứa chất rắn dạng cục, bột màu trắng. N khai nhận đây là ma túy loại Heroin và cất giữ với mục đích để sử dụng. Ngoài ra, còn thu giữ của N 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM1187 màu đen (có số Imei: 354491092204729) cùng 01 sim số (có mã số: 8401-1807-3314-5595) và 01 giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 63 ngày 18/9/2017 mang tên Phạm Văn N.

Tại Cáo trạng số 97/CTr-VKS ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố Phạm Văn N về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 02 năm 06 tháng đến 3 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/3/2019.

Qua trưng cầu giám định, tại Bản kết luận giám định số 261/KLGĐ ngày 19/3/2019, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: “Chất rắn màu trắng dạng cục, bột trong 19 (mười chín) gói giấy (08 gói giấy bạc và 11 gói giấy bên ngoài quấn băng keo đen) trong bì thư niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng 1,4170 gam”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Bản kết luận giám định số 261/KLGĐ ngày 19/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

Ý kiến của người tham gia tố tụng:

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lời khai tại hồ sơ bà Phạm Thị P trình bày bà có cho bị cáo Phạm Văn N thuê phòng trọ tại tại hẻm số 68/89 đường H, làng K, phường TB, thành phố P, việc bị cáo tàng trữ ma túy bà không biết.

* Người làm chứng: Lời khai tại hồ sơ ông L trình bày ông chứng kiến việc bị cáo bị bắt quả tang khi đang tàng trữ ma túy và xác nhận khi bị bắt quả tang bị cáo khai chất đang tàng trữ là ma túy loại heroin để sử dụng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết lỗi, hứa sẽ không tái phạm, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như lời khai của người làm chứng, biên bản khám xét và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn N đã tàng trữ ma túy để sử dụng. Lượng ma túy thu được của Phạm Văn N là 1,4170 gram Hêroin; hành vi của bị cáo đã phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đối với bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Ma túy là chất thuộc phạm vi độc quyền quản lý của Nhà nước. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội, hành vi này không chỉ tác

động có hại trực tiếp đối với người sử dụng mà còn đối với cộng đồng xã hội. Hành vi này kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng đến sự bình yên của cộng đồng, trật tự, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo phải nghiêm trị để răn đe và phòng ngừa chung đối với tội phạm.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi của bị cáo: Bản thân bị cáo là người sử dụng ma túy, bị cáo hiểu rõ tác hại của ma túy, nhưng vì để thỏa mãn nhu cầu bản thân, bị cáo đã tàng trữ ma túy để sử dụng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước. Bản thân bị cáo đã từng bị xét xử nhiều lần về các tội phạm cố ý, trong đó có 01 tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội, điều này thể hiện thái độ xem thường pháp luật và hành vi của bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, cần quyết định cho bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện để bị cáo cải tạo bản thân là cần thiết.

[5] Tuy nhiên, xét bị cáo quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay đã thành khẩn khai báo, Vì vậy, hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định mức hình phạt.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo không thu lợi cho nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với, đối tượng nam thanh niên tên là D ở thành phố Hồ Chí Minh mà bị cáo khai nhận là người đã bán ma túy cho bị cáo, quá trình điều tra do bị cáo không biết rõ họ tên, địa chỉ của đối tượng trên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chưa có căn cứ xử lý. Hiện Cơ quan điều tra Công an thành phố P đang tiếp tục xác minh, khi nào xác định được đối tượng nam giới nêu trên, sẽ xem xét và xử lý sau là phù hợp.

[8] Xử lý vật chứng: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia RM1187 màu đen có số Imei: 3544491092204729 cùng 01 sim số có mã số ghi trên sim 8401-1807-3314-5595 là tài sản riêng của Phạm Văn N, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo; 01 (một) phong bì niêm phong ghi số 261/PC09 ngày 19/3/2019 của PKTHS - CA Gia Lai là vật cấm tàng trữ, lưu hành không có giá trị sử dụng cần tiêu hủy.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/3/2019.

Căn cứ các điểm a và c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Trả lại cho Phạm Văn N: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia RM1187 màu đen có số Imei: 3544491092204729 cùng 1 sim số có mã số ghi trên sim 8401-1807-3314-5595 (điện thoại cũ đã qua sử dụng, không rõ tốt xấu và tình trạng hoạt động).

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) phong bì niêm phong ghi số 261/PC09 ngày 19/3/2019 có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Gia Lai.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/6/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P).

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Văn N phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Những người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- UBND phường TN;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Vũ Thu Hương